

KIM QUANG MINH HUYỀN NGHĨA THẬP DI KÝ

QUYỂN 3

1. Phân biệt ba đức:

Phần trước pháp được chia ra làm mười, ban đầu phân biệt ba đức có ba:

a. Nêu: hai chính là phân biệt có hai, ban đầu bác bỏ thiên, có ba, đầu là ba tạng thái tử năm ấm, lâu tu năm phần, tuy chưa đắc vô lậu nhưng gọi là pháp thân, ở hai đức trước, dưới cây Bồ-đề thật sáng suốt mới có Bát-nhã, ba mươi bốn tâm: Mười sáu tâm phá kiến, mười tám tâm dứt ái. Như đốn chứng La-hán và Bích-chi-Phật. Hai người này đắc ba mươi bốn tâm cùng lúc, La-hán chỉ dứt chánh sử, Bích-chi-Phật phần tâm tập khí.

Như thọ vương trở xuống v.v... là dùng ba mươi bốn, đốn dứt chánh tập đều sạch cùng lúc. Cho nên tâm này chỉ Bồ-tát có. Giải thoát ở sau, tướng ấy rất dễ hiểu. Ba pháp này do lậu vô lậu còn mất mà khác nhau, cho nên khác mà lại dọc. Bộ kinh giáo này gọi là A-hàm. Giải thích, luận nói minh văn, dùng Ma-ha-diễn đối ba tạng là tiểu. Bà-sa dịch là Số, luận này nói rộng bốn giai thành Phật. A-hàm duy kinh, Bà-sa duy luận. Danh từ ba tạng đầy đủ kinh luật luận. Ba pháp này nói chỉ có ba nghĩa, hoàn toàn không có nghĩa đức. Vì sao? Vì cuối cùng dứt mất như tro nguội cho nên chẳng có đức Thường, chẳng phải đại Niết-bàn cho nên không có đức lạc.

Không có tám tự tại cho nên không có đức ngã, chẳng dứt năm nhiệm cho nên không có đức tịnh.

b. Thông giáo, thông giải thích thể quán, pháp vốn bất sinh, chẳng phải chứng sau không, đây là pháp thân, cho nên vốn có, cảnh tuy vốn có, phải nương cảnh này, thể phá kiến tứ. Chánh tập tận xứ, chính là Bát-nhã, cho nên thuộc về hiện hữu. Khi quả ràng buộc sạch hết mới là giải thoát, nên thuộc về đương hữu. Ba pháp này không cảnh vô tri,

Bát-nhã có chiếu soi. Như sắc tâm hư huyền hết sạch mới gọi là thoát, cho nên khác mà lại đọc.

Các sư Thành luận đời trước thấy hai thừa trong mười địa như Càn Tuệ v.v... chứng quả, cho rằng người pháp mà tiểu giáo nói đều không, bèn dùng nghĩa này giải thích luận đã hoằng dương. Ý cho là Tiểu giáo tìm tòi làm sáng tỏ Đại thừa, cho nên Diệu Huyền nói: Thành Luận tìm tòi làm sáng tỏ Đại thừa, lại nói: Sư Thành luận chỉ thấy cộng ý Bát-nhã, chẳng thấy bất cộng ý, tức là nghĩa này, cho nên biết các Đại sư ấy chẳng biết tạng thật là ba tạng Không môn và Diễn môn khác hẳn nhau. Lại, chẳng biết Diễn môn Chân-đế bao gồm dẫn trung và bất dẫn trung. Nay y theo kẻ bất tri và Bồ-tát độn kia, nên không có bốn đức.

c. Biệt giáo trước phá Chân-đế, trái với viên biệt ấy, bởi trái với kinh này, riêng phân bốn đức, đối với ba thân, cho nên nói trái khác. Hoặc lấy kia nói bốn giáo để thâm nhiếp, đã nói bốn đức chẳng phải trước tạng thông đức, đã chẳng dung chẳng phải sau viên giáo, tuy thâm gồm mà thuộc biệt. Nhưng chẳng phải thuyết biệt giáo thông phương, cho nên nói một đường.

2. Hỏi đáp về đức của Bát-nhã, giải thoát:

Hỏi: Chân-đế lập rằng: Bát-nhã, giải thoát mỗi thứ đều có hai đức, nay vì sao bác bỏ rằng không có đức để nói.

Đáp: Nếu y theo biệt thì hai thứ đều có một, cũng được gọi là đức. Nay dùng viên bác bỏ, hề thiếu chỗ nào thì nghĩa đức không thành. Vì sao? Vì như Bát-nhã chiếu cảnh cho nên thường, vì phá tối cho nên tịnh. Như vô lạc ngã, là có thường tịnh của khổ, không có thường tịnh của tự tại, há thành đức ư? Như giải thoát không đen tối cho nên lạc, rộng xa cho nên ngã, mà vô thường tịnh, đây lạc ngã của vô thường, lạc ngã của cấu nhiễm, chẳng lẽ thành đức ư? Đức có thêm bớt nên pháp chẳng cao rộng, gọi là kinh vương vô lượng sâu xa ư!

Về hiển bày Viên, đầy đủ như ở trước nói. Ba là khuyên sinh viên giải, bốn đức tàn thiếu chẳng phải đứng đầu các kinh. Ngang dọc có thể suy nghĩ chẳng phải Phật che chở. Có nhớ nghĩ tâm mất đều là trâu dê, tri kiến Vô duyên mới có thể luận đạo.

3. Phân biệt ba ngôi báu: Về phân biệt ba ngôi báu. Theo nhau: Từ Phật nói Pháp, từ pháp có Tăng, từ ba ngôi báu này đến nay chẳng bắt dứt đều do quy Phật, bảm pháp thành Tăng, cho nên nói là từ. Lại gọi là thâm bậc, vì dụ đẳng cấp chẳng rối loạn. Đây là nói biệt thể của tăng bốn quả, chắc chắn không thành Phật, giống như bậc dưới không thành bậc trên.

Lại, thọ vương trở xuống là quên chân kinh, thấy như huyễn Phật nói pháp vô sinh, tam thừa nhân địa đều có khả năng dứt bỏ kiết sử. Có Bồ-tát ba tạng khác trong nhân, hoàn toàn không dứt hoặc. Chúng tức không nên gọi là lý hòa tăng, tuy khác ba tạng mà lý tam thừa cộng chứng đã là thiên không, cũng không có bốn đức. Như hoa vương thế giới thành Lô-xá-na, tuy thông viên biệt, nay y theo độn căn ở trong mê sâu nặng, không biết tức tánh, thực hành tu thành giải, cho nên ngôi báu Phật từ báo mà rõ bày tên gọi, ngôi báu Pháp chỉ gọi là tứ đế vô lượng, chẳng phải vô tác, cho nên từ nhiều số nên có nhiều tên như số cát sông Hằng.

Tăng bảm pháp tuy thuần là Bồ-tát, lại chẳng phải phát tâm liền thành Chánh giác, cho nên bốn mươi một vị chia ra Hiền Thánh, ba ngôi báu này, Phật là Tăng quả, Tăng là Phật nhân, pháp là nhân quả. Sở tu sở chứng thật Tăng thành Phật. Phật hiện quyền Tăng, khác hẳn giai cấp cao thấp không thay đổi. Nhưng từ tướng riêng chẳng phải là đồng thể. Nói đồng thể là ba ngôi báu một thể. Thể này giác liễu gọi là Phật. thể này bất giác gọi là Pháp, thể này hòa hợp gọi là Tăng. Mê ngộ nhân quả thể ấy chẳng phân. Một người một niệm đều đầy đủ, cho nên tam quy của Hoa Nghiêm cho rằng nhận hiểu đại đạo là Phật, vào sâu kinh tạng là Pháp, quản lý đại chúng là Tăng. Ba tuy ở quả mà là một thể.

4. Kết luận:

Ba ngôi báu như thế không hai không khác với ba đức ở Trung quốc, là ba ngôi báu mà kinh Kim Quang Minh thí dụ. Tam giản, ba Niết-bàn: Niết-bàn Bàn-na, Hán dịch là An-lạc, cho nên phàm Thánh đại tiểu đều có Niết-bàn, hoặc người đời thích ý cũng là Niết-bàn, hoặc ngoại đạo chẳng biết định Phi tướng Phi phi tướng có mười tư tướng nhỏ nhiệm và trời Vô tướng, pháp tâm, tâm sở thứ sáu. Tạm như vậy chẳng hành, cho nên đều chấp là Niết-bàn vắng lặng hoàn toàn. Hoặc nhiễm tâm dục phục gọi là Niết-bàn phương tiện. Hoặc Nhị thừa Bồ-tát luận đắc, chưa đắc, là Niết-bàn Ba tạng.

Nếu ba thừa đều hết hai thứ phược về quả là thông giáo đăn không cộng tiểu Niết-bàn, phân biệt với bất đăn không, không chung với Nhị thừa. Nay y theo cộng luận cho nên không có bốn đức, hoặc trung đạo lý trí và đồng duyên thị hiện diệt độ ba thứ Niết-bàn. Đây có đặc ý và không đặc ý. Đặc ý thì một sẽ gồm thâm hai ba, đều viên đầy đủ, tức thành Đại Bát-niết-bàn của viên giáo, là ở đây ví dụ. Nay y theo thất ý chẳng tương quan nhau, cho nên thuộc về biệt. Hoặc nói đặng tức địa luận sư chỉ cho tướng thật gọi là tánh tịnh. Pháp do Tu nhân sở thành

làm phương tiện tịnh. chẳng nói duyên nhân, củi hết lửa tắt, tùy cơ Niết-bàn, đã chỉ hai thứ nhiếp nghĩa chẳng khắp, tức chẳng phải ba đức viên dung Niết-bàn, cho nên chẳng phải pháp ở đây kinh thí dụ.

5. Phân biệt ba thân: Về phân biệt ba thân có hai, ban đầu phân biệt thiên, chia hai:

Ban đầu nói tạng thông chỉ có hai không có ba, có hai:

- Ba tạng, thọ vương trở xuống Phật là chân thân, chẳng phải ngay nơi sự là chân, là chứng thân chân cho nên gọi là chân thân. Thần biến là ứng cũng chẳng phải không mưu cầu, hoàn toàn là tác ý. Trong ba tạng chỉ nói hai thứ này, không có pháp báo ứng nói ba thân, chứng chân hiện biến đều từ phán tích pháp quán trí mà thành, hai là thông giáo, có hai:

- Ban đầu chánh nói chỉ có hai. Giáo này tuy nói ngay nơi sự là chân nhưng tức thiên không chẳng phải Phật tánh chân.

Chân không thật thể chẳng phải nhậm vận ứng. Giáo và tạng này chỉ giải thích nhị đế, chưa nói tam đế, cho nên nói về thân chỉ có hai không ba.

6. Nêu lên và giải thích chân thân:

Nêu lên giải thích chân thân, muốn nói tức chân nên trước hỏi sắc tướng. Nếu như thế thì lĩnh trước. Sự tức chân không mới là thể của Phật, cho nên tượng sáu chẳng phải chân Phật, lại, làm thân người như chẳng phải nai, ngựa. Cứu luận tượng sáu là thân gì? Đáp: trong hai ý ban đầu ý là ứng, ý tiếp theo là chân. Ban đầu nói nên đồng với nhân tượng, vì tượng sáu này chẳng phải ái nghiệp cảm, từ Dĩ biện địa thế giúp đỡ thói quen khác, thắm nhuần thần thông sinh, kết duyên với chúng sanh thanh tịnh cõi nước Phật.

Các căn cơ đã thuận thực, xuất hiện trong cung vua cho nên biết tượng sáu là thân thần thông. Nên là đồng nhân tượng, nhưng chưa tận lý cho nên nói là một lần, vì thế lại một trở xuống chính là nói về chân thân, khác phân đại tiểu lý ở trong không. Nay lấy tức không làm chân thân, vẫn thuộc về tiểu cho nên lệ với Đại thừa. Chỉ lấy lý mà trung trí hợp để làm pháp thân. Đâu là sắc tâm nói riêng về Trung đạo. Nay chỉ không chân cũng tức nhân tượng toàn thể là không. Sắc tâm chẳng sinh, sắc tâm chẳng diệt là chân thân.

Y thân khởi biến gọi là ứng thân, nên giáo này chỉ có hai thân. Hai là nói biệt giáo tuy ba mà khác. Nếu dung thông nhau nhưng đâu phân hư thật. Nghiệm kia đã lập, thể đều khác nhau. Tam thân chẳng viên cho nên nay chẳng dùng.

Về hiển bày viên có ba:

7. Ba thân đều là thật:

Ban đầu nói ba thân đều thật, có ba:

Một là nói thể thật, lý thể đã thật, lý trí đâu dối, thật lý thật trí thâm hợp cho nên khởi dụng. Dụng đâu chẳng thật. Do ba đã tương tức nên hai mới chẳng phải dối.

Hai dẫn kinh loại hiển, cảnh dục tịnh diệu thực hành hoại quán, tuy là giả tưởng nhưng trị được tâm tham, hư có thật ích. Chẳng hạn như ứng thân chẳng phải sinh hiện sinh, nên chẳng phải bốn thể, lợi ích chúng sanh chẳng phải luống dối nên gọi là thật.

Ba là thủ ý kiết thành.

Hai là nói bốn trường hợp đều dung thông. Viên nói ba thân, nêu một tức ba đều có bốn trường hợp. Vì sao? Vì nếu phân riêng thì báo thân chân chứng cho nên thật, ứng thân giả nói cho nên luống dối, pháp thân bình đẳng, ngăn và chiếu đều có cả hai. Song chiếu cho nên vừa thật vừa hư. Song giả cho nên chẳng phải thật chẳng phải hư. Ba thân đầy đủ lẫn nhau bốn trường hợp đều dung, phải phân biệt kỹ.

Ba là nói thêm bớt tự tại, có hai:

Ban đầu y theo nghĩa lập thân, có hai:

8. Hỏi đáp về ba thân:

Một là hỏi ý, do Kim Quang Minh thí dụ ba thân, thân đã ví dụ có thể thêm bớt hay không?

Hai là đáp, chia hai:

- Nói nghĩa lập không lỗi, y theo đề có ba dụ, cho nên lập ba thân để làm sở dụ. Đối dụ tuy như vậy nhưng nếu kia đặc ý thì nhiều ít chẳng câu nệ, hoặc tăng đến bốn thân, hoặc giảm còn một hai, hoặc mêng mông danh số cũng có thể nói không.

- Nói ý kinh vốn thông. Hoặc thêm hoặc bớt thấy ở văn kinh, Thích-ca Mâu-ni là thân thứ ba. Thị hiện mọi cách, nghĩa đương thứ tư, khai ứng xuất hóa là bốn nghĩa của thân. Chử xuất trong văn nên nằm ở dưới, Phật chân... văn nghĩa tuy có ba, như nay y theo hiện văn được gọi hai thân. Chư Phật tuy có hai, ba, bốn thân, vì pháp nhất chân thân tóm tất cả, cho nên chỉ một thân, thành lớn vắng lặng, vắng lặng cũng không.

Đã không có các số thì nghĩa là vô thân, hai là dùng thân thí dụ, có hai:

9. Hỏi đáp về thí dụ thêm bớt:

- Hỏi ý, thí dụ có ba chữ để nói về ba thân. Y theo lý nào khiến thí

dụ thêm bớt đối bao nhiêu thân?

- Đáp, thí dụ tuy ba chữ nghĩa có thừa thiếu, hoặc thí dụ bốn thân văn nghĩa rõ ràng. Hoặc là hai thì hợp với ánh sáng mà thành một dụng. Đối với thể vàng là hai thí dụ. Hiện ở hai thân hoặc là một, thì giữ chánh, xả phụ, từ gốc trừ ngọn. Chỉ lấy một vàng đối với một thân. Không thí dụ vô thân, dùng không tham làm vàng, vàng này vô chất là vật rất báu báu người đời. Có thể ví dụ vô thân, số lượng đều quên, là báu Đệ-nhất-nghĩa của xuất thế gian. Dương chấn v.v... Đông quán hán ký, Dương chấn là đông lai thủ. Nói ấp Kinh vương ấp Xương, khiến Vương thâm là Tú tài do Chấn tiến cử. Ban đêm ôm vàng dâng lên Chấn, nói: Không ai biết. Chấn nói: “Trời biết, đất biết, ta biết, ông biết, đã có bốn biết sao nói không ai biết?” Bèn không nhận. Đây do quý ở không tham, tức cho rằng không tham làm vàng, cho nên biết vàng ở đời có tên mà không thật.

10. Phân biệt ba Đại thừa:

Về phân biệt ba Đại thừa, nhân duyên lục Độ, trong ba tạng giáo có lập Đại thừa, mười hai nhân duyên là cảnh lá Phật thừa, đối Thanh văn là đại, Bồ-tát lục Độ đối Nhị thừa làm đại. Đây là ba hạng đều có sở thừa, tức dê, nai, trâu. Tuy đặt tên Đại thừa mà dụng khác với tiểu mà kia đồng thú hưởng đến quả thiên chân, cho nên gọi là biệt. Nghĩa ấy đồng. Bồ-tát Thông giáo và Nhị thừa nhân đồng vô sinh quán, đồng đoạn đồng chứng khác hẳn ba tạng, ba nhân khác xa, cho nên nói tam thừa đồng nương nhất thừa. Một này đã cộng thì Nhị thừa sở chứng, xét. Chẳng phải Trung đạo, Biệt giáo giải thích trung, riêng vì Bồ-tát nói lý tùy đắc, mà lý thừa chỉ là cảnh sở khế, tùy thừa chỉ là trí năng khế. Đắc thừa chỉ là hạnh tự tha. Tam thừa ngăn cách khác nhau, không dung thông nhau, chẳng phải nghĩa viên thừa, ba thứ tức tạng, thông biệt. Đã nói tương thừa đều là trong, nghĩa đắc cơ viên giáo đắc thừa, cho nên nói thuộc về đắc thừa phương tiện. Như kinh chánh Pháp Hoa nói dê, nai, trâu, ngoài ba xe còn có xe voi, tức là xe trâu trắng lớn ngoài ba xe trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Tên trâu là đồng cho nên Nhất thừa khó hiển, khiến cho tông khác đối với Bồ-tát thừa chẳng phân quyền thật. Ở đây y theo chánh kinh, tên voi không xen lạm, mới rõ viên giáo là nhất Phật thừa, hoặc dê, nai, trâu, thuộc về đắc thừa đắc cơ tương thừa kia nay đã thí dụ. Tam thừa viên giáo chỉ nói lý thừa, muốn hiển tùy đắc đều tức là lý. Viên giáo trí hành, là tánh sẵn đủ, tu mà không tu, cho nên trong văn y theo lý mà đặt tên. Hoa nghiêm tứ thừa, bộ ấy tuy không có tiểu cơ bảm giả nhưng đâu ngại nói đối với tam thừa thô cạn

mà hiển bày viên Phật thừa.

11. Phân biệt Tam-Bồ-đề:

Thỉnh Quán Âm v.v... về phân biệt Tam-bồ-đề thỉnh Quán Âm...: Tam-bồ-đề Hán dịch là Chánh đạo. Kinh luận kia lợi ích chung cho Tam thừa, cho nên phát tâm có ba thứ, tức Thanh văn, Duyên giác, và Bồ-tát. Cả Ba đều dứt hoặc nên gọi là thanh tịnh, đều lìa tà đảo nên gọi là Chánh đạo. Đã cộng với Nhị thừa chẳng phải trí viên thật, thuộc về phương tiện Bồ-đề.

Hoặc duyên chân như Phật trí thần thông, phát tâm làm chẳng phải nương tựa. Kinh Văn-thù Vấn chép: Phát tâm là đó. Là nói ba tâm cách biệt, viên dung là đúng sai. Vì sao? Vì nếu duyên lý chân như thì phát tâm chân tánh Bồ-đề, nếu duyên trí Phật thì phát tâm thật trí Bồ-đề tâm, nếu duyên thần thông thì phát tâm phương tiện Bồ-đề. Ba đã chẳng dung thông cho nên thuộc về hóa tha phương tiện Bồ-đề.

12. Mười duyên phát tâm Bồ-đề:

Nghĩa chẳng cao rộng chẳng phải như ở đây đã thí dụ. Nếu không phát, phát tức là trí của lý, là viên thật trí. Một phát tất cả phát, bất tư nghì giả, là viên phương tiện, chẳng phải một, chẳng phải tất cả, mà là một mà là tất cả, tức trung của biên, là chân tánh viên mãn ngay nơi một nói ba, ngay nơi ba nói một. Đây không hai không khác với ba đức, là thí dụ ở đây. Phải biết ba thứ viên phát trong kinh Văn-thù vấn. Chẳng phải lìa chân như Phật trí thần thông, chỉ chẳng phải ba xứ đều phát một tâm, hoặc đối với một xứ phát ba tâm, cho nên gọi là thị. Như trong Maha Chỉ Quán phát đại tâm chép: các kinh nói nhiều thứ phát tâm Bồ-đề, xếp vào mười thứ nghĩa là suy lý phát tâm Bồ-đề, thấy tướng Phật phát tâm. Thấy thần thông nghe nói pháp, dạo chơi cõi nước thấy đại chúng, thấy tu hành, thấy pháp diệt, thấy khởi lỗi, thấy chịu khổ. Đối với mười duyên phát tâm Bồ-đề này mà đối với mười xứ đều sinh bốn giải. Do viên đối với ba mà chia ra đúng sai. Do đây mà so sánh với kia. Đâu chẳng phải đúng hay sao? Cho nên duyên với ba chỗ đều phát chẳng dung, thuộc về biệt giáo cho nên là đối tượng để phân biệt.

Ba và một, phát sinh đầy đủ lẫn nhau thuộc viên, cho nên là dụng ở đây nói.

13. Phân biệt ba Bát-nhã:

Về phân biệt ba Bát-nhã, ban đầu vì người đời không biết Bát-nhã là rốt ráo không, ba trí đầy đủ, nghĩa là quên tịch, chẳng soi chiếu các pháp, cho nên thuận theo thế tình, dùng đoạn diệt mà hỏi, nêu lời đáp ở sau giúp cho người học biết thể của Bát-nhã, là ba mắt trí. Nhưng nhãn

trí này có thứ lớp, không thứ lớp, cho nên trước nêu thứ lớp, sau nêu chẳng thứ lớp. Thứ lớp tức là trước không, kế giả, sau trung, đều một nhãn, một trí. Trí thì quán ba cảnh rõ ràng. Nhãn thì thấy ở ba đế xét thật, rõ ràng cho nên xét thật, xét thật cho nên rõ ràng, nhân tu chỉ quán quả phát nhãn trí, thứ lớp ba thứ mỗi thứ đều như vậy.

Hai nhãn hai trí, thiên không thiên giả, trong nhãn trong trí ngăn cả không và giả, song chiếu không giả. Hoặc ba chỉ ba quán, nhất tâm viên tu, ắt tam trí ba nhãn nhất tâm viên chứng. Quán tất cả pháp là một tướng, là tướng vắng lặng, là trung trí. Hành loại tướng mạo đều biết, hai trí vậy, Tam trí đã viên, ngũ nhãn đầy đủ. Do pháp nhãn thuộc về mắt thường và Mắt trời cho nên ngũ nhãn và tam trí bình đẳng. Bát-nhã biết như thế, thấy được bờ mé các pháp, sao nói quên tịch chẳng phân biệt các pháp, hoặc đối với quên tịch bất sinh tà mạn. Thì là cái thấy không ngay thẳng giống như Thanh văn. Các ông, hoặc dùng tâm này làm hoại nhân quả sinh ra tà mạn, thì phải đoạt, là kiến chấp đoạn diệt của Ni-kiền-tử, Ni-kiền Hán dịch là Ly hệ, vì ngoại đạo này chỉ chấp không, hoặc lỏa hình, tự nhịn đối cho là lìa trói buộc.

14. Phân biệt ba Phật tánh:

Về phân biệt ba Phật tánh, trước bác bỏ ba tánh đều ở một vị, thể chẳng không dung, chẳng phải viên ba tánh, kế là dẫn các kinh nói ba tánh viên đầy đủ. Kinh Hoa nghiêm đã chép, một đầy đủ vô lượng, đâu phải duyên liễu chánh có thiếu sót ư? Đại phẩm một niệm muôn hạnh, cho đến kho báu Niết-bàn không thiếu sót, đều là ba tánh đầy đủ. Lý tánh danh tự quán hạnh tương tự phần chân rốt ráo, mỗi vị đều tức là tam Phật tánh, sâu cạn sáng tối rõ ràng, mỗi pháp tức ba không thiếu.

15. Phân biệt ba thức:

Về phân biệt ba thức: Nếu chia ba thức, Đà-na thuộc về Thanh văn, Lê-da thuộc Bồ-tát, yêm-ma thuộc về Phật. Đây là giáo đạo phân trưng, thứ lớp dứt tướng. Như yêm-ma là bản tánh. Vô minh mê cho nên sinh nghiệp chuyển hiện, gọi là A-lê-da. Đây là ba thức thứ lớp khởi tướng đều là giáo đạo, chẳng phải ví dụ ở đây nói. Nếu muốn nói cho tròn đầy thì phải y theo nhiếp luận, vàng, đất và nhiễm ba thứ chẳng lìa nhau.

Cho nên đối với ba bậc Thanh văn, Bồ-tát và Phật trong tâm đều có ba thức. Đại sư còn sợ tìm ví dụ này, gây ra hai pháp chân vọng hợp nhau mà giải, nghĩa là trừ đất còn vàng. Cho đến Phật chỉ có thức yêm-la, cho nên y theo đại kinh, y trí chẳng y thức mà làm đầu mối để hỏi. Vì muốn đáp ra ba thức, là tên khác của ba trí thì đất dụ cho đà-na, là

phương tiện Bát-nhã, nhiệm vụ cho lê-da, là quán chiếu Bát-nhã. Vàng dụ cho yêm-ma, là Bát-nhã tướng thật, cho đến Phật rốt ráo ba thứ tịnh thức, đâu chỉ có một ư? Nhưng nếu không biết tánh có đủ nhiệm ác thì đâu thể khiến cho bảy mươi tám độ cùng nhiệm đến quả bất diệt.

16. Nói về Đạo tiên:

Lại, đạo tiên v.v..., địa tiên gọi là đạo tiên, đều nương phiền não và dùng sinh tử, cho nên tám tâm vương gọi chung là thức. Quả Phật là đạo hậu, chuyển nương hạt giống Bồ-đề của bốn trí, cho nên tám thức chuyển gọi là bốn trí, chuyển thức thứ tám thành trí Đại viên cảnh, chuyển thức thứ bảy thành trí Bình đẳng tánh, chuyển thức thứ sáu thành trí Diệu quan sát, chuyển năm thức trước thành trí Thành sở tác, nên nói chuyển y tức là trí tuệ. Chú thích chưa rõ ràng là ngầm ý bác bỏ. Do kia nói đạo hậu chuyển y, huân thành hạt giống chuyển thành trí tuệ, chẳng nói tánh tám thức là trí mầu. Đây là một đường giáo đạo của duy thức. Chẳng phải thí dụ ở đây, nhưng là luận do Bồ-tát soạn ra, chẳng muốn hiển nói, cho nên chú thích chưa rõ ràng. Như trong các văn, bác bỏ xưa thường nói lời nói này khó hiểu, cho nên biết chưa rõ ràng chẳng khác với khó hiểu.

17. Phân biệt ba đạo:

Về phân biệt ba đạo, trong giải thích trước tuy nói ba đường và ba đức bình đẳng, không hai không khác, nhưng chưa phân biệt tướng của giới bên trong, giới bên ngoài, ba chương tức lý. Bày chương đã cạn thì lý sâu khó hiểu. Nay phân biệt khiến cho đều rốt ráo, nên nếu hỏi rằng giới bên ngoài như thế nào. Trong đáp có dẫn luận bảo tánh, giới bên ngoài bốn chương đối mười mười hai duyên. Thể trạng rõ ràng. Ba đường này chẳng y theo cách sinh, chỉ nói về đương niệm, cho nên luận Khởi Tín nói: Bất giác tức tâm động, nói tên là nghiệp, động thì có khổ, quả chẳng lìa nhân, bất giác tức phiền não, động tức là nghiệp, động này tức là khổ, cho nên kết luận rằng quả chẳng lìa nhân. Đây là tướng sinh tử biến dịch. Giới bên ngoài tam thừa đều có chương này. Nay nói tức chương toàn thể là đức. Ba chương là tên khác của ba đức, tức là pháp mà kinh Kim Quang Minh đã dụ.

Phụ văn giải thích có hai:

18. Nêu hai giải thích:

- Đầu tiên, nêu hai giải thích có ba ban đầu đối tiền hiển thắng, có hai, ban đầu tổng đối nghĩa trên phân biệt. Trước lập thí dụ giải thích vì các Sư xưa không biết ba chữ từ pháp mà được tên gọi, cho là thí dụ và sự giải thích ấy chẳng thể thấu suốt pháp môn được thí dụ. Chân-đế tối

ưu còn nương Viên biệt. Nhân quả chẳng thông, chẳng xứng pháp tánh huống chi là các Đại sư ư ! Đại sư thấy xưa thí dụ pháp chẳng khắp, cho nên đều dùng thí dụ để mô phỏng theo pháp. Lược thí dụ mười thứ ba pháp, rộng thí dụ tất cả pháp môn. Ngang dọc gồm thấu chẳng pháp nào không đầy đủ, nói lên pháp tánh vô lượng sâu xa. Nếu lập thí dụ giải thích hợp nên như thế. Nhưng Đại sư rất biết ba chữ là pháp, chẳng phải thí dụ. Từ đây tự lập văn phụ đương thể hai thứ giải thích. Trong đây văn phụ bao gồm hai nghĩa. Một gọi thẳng là lý, hai là từ sự dụng.

Hoặc đương thể giải thích, chỉ từ lý lập. Nay muốn y văn trước chê thí dụ, giải thích phần nhiều là nghĩa suy, chẳng bằng y theo văn rõ ràng rất dễ hiểu.

19. Y theo bốn sự để giải thích:

- Hai là y theo riêng bốn sự để giải thích. Hai câu đầu nêu chung bốn việc, từ kỷ tình trở xuống giải thích bốn việc, ban đầu có ba hai câu y theo tình trí mà nói thân sơ. Trụ quán trí trước đều gọi là tình, huống chi là thầy người suy lường, nên nói sơ. Sơ trụ trở lên chứng lý gọi là trí. Huống chi nay cực quả ba nghiệp tùy trí, cho nên nói dùng Phật miệng nói, vì thế nói là thân, hai là bốn thứ hai câu y theo kia đây giải thích xa gần. Vì kia gồm ý nghĩa Kim Quang Minh của thế gian, lệ cho ba thứ pháp môn xuất thế này, cho nên nói viễn, tức văn kinh này bậc Thánh nói là thuyên triệu, lý tánh sự dụng chẳng nhờ người khác cầu, là như nói gần. Đầu thể dưới đây kết trách bốn việc.

Nói về phụ văn, có hai, ban đầu nói tướng của phụ văn có hai, ban đầu luận chung các phẩm gọi là sự danh, là lý danh, sự là sự dụng.

20. Nói về Kim Quang Minh:

Trong các phẩm hoặc đơn hoặc phức, danh sự rõ ràng, cho nên chẳng phải lời mờ, chỉ có một văn mà thôi. Hai đích thị một bộ văn tướng có ba, ban đầu là nêu các văn. Lời tựa riêng chép: Lúc bấy giờ, Như lai đi trong vô lượng sâu xa pháp tánh chư Phật hành xứ, vượt hơn sở hành thanh tịnh của các Bồ-tát, là vua của các kinh thuộc về Kim Quang Minh, đã ở trong định pháp tánh mà tuyên bố rằng Kim Quang Minh đứng đầu trong các kinh, một chữ thị là từ ngữ chỉ cho pháp, chẳng phải chỉ cho pháp tánh, lại chỉ vật nào là Kinh Quang Minh ư? Cho nên biết ba chữ gọi thẳng pháp tánh sâu rộng chẳng từ ví dụ. Văn này hiển rõ nhất cho nên nói đầu tiên nêu tên càng được đáng dùng. Phẩm Tuổi thọ phát ra ánh sáng rực rỡ, tuy không có chữ kim, chính là Phật Quang, sắc vàng của thân Phật. Ánh sáng của thân vàng này hoàn toàn từ pháp tánh kinh quang minh sinh khởi, tức là sự dụng.

21. Điềm mộng thấy trống vàng của Tín Tướng:

Trong phẩm Sám Hối, mộng thấy trống vàng ánh sáng chiếu khắp, tức là quang. Phẩm Tán Thán nói tên vua Kim Long Tôn, phụng hiến trống vàng khen ngợi Phật. Những việc này đều từ lý Kim Quang Minh, khởi ở các sự dụng Kim Quang Minh. Hoặc trong phẩm không nói tôn kinh, kim nghĩa là đáng tôn đáng trọng. Quang Minh đã là dụng của thể đâu chẳng phải tôn? Đây là tên đối với Kim Quang Minh lý làm tôn kinh. Trong phẩm Tứ Vương có sáu phen hỏi đáp, lớp lớp gọi là sự, chép đủ văn ấy. Lại, lúc thần vương đốt hương cúng dường kinh, ánh sáng lộng hương chiếu khắp cõi nước của các Đức Phật ở mười phương. Văn nói, đều là do năng lực oai thần của kinh này.

Nói chung ba đời, điềm mộng của Tín Tướng, đã là Phật ra đời tức hiện tại, long tôn thuộc quá khứ, có thể thấy lộng hương khắp đây. Là sau khi Phật diệt độ cúng dường kinh, thuộc vị lai, vì Kim Quang Minh pháp tánh sâu rộng cho nên được sự dụng ba đời khắp thông.

Kiết khắp một kinh, hai kiết nêu bày vô lượng sâu xa, có hai, ban đầu chánh kiết nêu bày, tay cầm lò hương một chỗ sinh khói, cõi Phật mười phương đều có mây che, đều phát ra ánh sáng. Lại kim long kiếp xưa phát nguyện Kim Quang Minh, Tín Tướng hiện tại chiêu cảm tướng Kim Quang Minh. Nhân vương vị lai làm Phật sự Kim Quang Minh, hoặc là danh, hoặc là sự hằng ba đời là dọc, khắp mười phương là hoành. Những thứ này đã là sự của tức lý, cho nên gọi là pháp tánh Kim Quang Minh lý vô lượng sâu xa.

22. Y theo kinh đặt tên này:

Là khuyên xét nghĩ, lý danh sự dụng nhiều lớp nêu bày, ý Phật khiến người hiểu Kim Quang Minh lý sự chẳng hai. Vì sao người dịch chẳng phụ thêm văn kinh giải thích đề mục ấy. Thuận tình tìm dụ bỏ thân tìm sơ, cho nên khuyên người hiểu biết hãy xét ý y theo kinh đặt tên này.

- Ba là so sánh đồng với các kinh, có hai, ban đầu nêu chỉ sự lập danh, đạo cán sự, Phật thấy thân cây lúa khô liền nói mười hai nhân duyên sinh diệt. Nhân đó gọi kinh Đạo cán. Tượng bộ sự, tức là kinh Vô Sở Hy Vọng, một tên là kinh Tượng Bộ, các kinh đã nói là chỉ cho việc ấy, để đặt tên kinh. Kinh này nói rõ việc Kim Quang Minh, sao chẳng tức lấy việc này làm tên. Lại cho rằng kim là thể bảo, thể có ánh sáng, dụ cho ba đức, đâu chẳng phải rõ ràng trái với ý chỉ của Phật? Hai là so sánh với việc của văn kinh, lại như các kinh nói đạo cán... tức gọi là việc của kinh Đạo cán. Kinh này nói rõ ánh sáng sắc vàng, đâu chẳng

được gọi là việc Kim Quang Minh ư? Đây là dùng kinh gọi sự, ý khiến dùng sự gọi kinh, hiện hành tức là kinh Tượng Bộ, trở xuống là lầm chữ. Các sách cũ đều là chữ sự, mới là dùng kinh gọi sự.

23. Giải thích đương thể:

Đương thể giải thích, có hai:

- Nêu nói về đương thể, đương là chủ đương, thể tức là pháp tánh, nghĩa là tánh chủ thể gọi là Kim Quang Minh. Ở đây đối với thí dụ dùng kia hiển bày đây, thì tên ba chữ từ người khác mà lập, chẳng phải tên tự thể của pháp tánh, nay y theo văn kinh thấy tên ba chữ, gọi thẳng là pháp tánh, tức là Phật đi trong pháp tánh mà ở trước đã dẫn, bèn tuyên bố là Kim Quang Minh. Kinh đã chẳng nói như Kim Quang Minh, xét chẳng thí dụ, là ý sâu xa của các Đại sư kinh gia cho nên lập ba chữ là tên đương thể. Lại thâm khế hợp với các văn trong kinh.

24. Hỏi đáp về chia văn giải thích:

Hỏi: Ở đây đương thể giải thích cũng là y theo kinh, hoàn toàn đồng phụ văn ấy sao lại chia hai giải thích?

Đáp: Trước bác bỏ thí dụ giải thích chỉ là nghĩa suy ra không có một văn, không mà gượng dùng có mà chẳng vâng theo. Nay đương thể giải thích nếu chẳng y theo văn thì thành tự bác bỏ, cho nên biết đây giải thích chẳng phải không y kinh. Được làm lưỡng thích, bởi vì có gồm riêng. Vì sao? Vì trong bộ này lớp lớp nêu tên lớp lớp nói sự, chính phụ văn giải thích đề, phải danh sự cả hai đều phụ. Sự tức sự dụng, nghĩa là sáng sáng màu vàng, danh tức là lý danh, gọi thẳng pháp tánh. Như đầu tiên nêu danh xét là với lý. Đây là giải thích ở trước gồm cả danh và sự, tuy là bao gồm cả hai, nhưng lý danh ấy chưa hề bày nói. Nhưng nay đương thể trình bày tướng kia, cho nên hai giải thích tuy thông suốt y kinh mà đương thể giải thích riêng ở lý danh.

25. Giải thích: Hai là giải thích, có hai:

Đầu tiên là trái với thường tình lập ra chánh nghĩa có hai, ban đầu tựa xưa, dựa vào tục gọi là chân. Đại sư muốn đặt ba chữ đề kinh là tên Pháp tánh, còn là thường tình, chấp chặt Chân-đế vốn không danh tự. Tất cả danh ngôn đều là thế đế. Bậc Thánh nói chân. Bởi nương thế danh, danh thật vô danh, cho nên dẫn Thành luận chứng vô danh chân thật. Nếu nghĩa này thành thì Kim Quang Minh phải từ thí dụ lập, cho nên nay thuận theo lý ngược với thường tình này, Chân-đế vô danh, tục đế hữu danh. Nay đặc biệt giải thích rằng: Tục vốn không có tên tùy chân đặt tên, tức là nương vào chân danh, danh tục vô danh.

26. Hỏi đáp về tướng giáo:

Hỏi: Nay phá lập, hoặc chân hoặc tục, hữu danh vô danh, đó là tướng Nhị đế của giáo nào?

Đáp: Hễ nói về Nhị đế thì phải biện luận ba phen, một là nhị đế tùy tình, hai là nhị đế tùy trí, ba là tùy tình trí nhị đế, tức tình trí cùng đối hợp nói nhị đế, ba phen này có chung có riêng. Riêng thì mỗi giáo đều nói ba phen. Tùy tình thì phạm vị tự nói nhị đế, tùy trí thì Thánh tự nói nhị đế, tùy tình trí thì Thánh vị nhị đế. Do tùy trí cho nên hợp thành Chân-đế. Phạm vị nhị đế do tùy tình cho nên hợp thành tục đế. đây chính bốn giáo đều luận ba phen. Nói về chung là dùng ba giáo trước và các phạm phụ là pháp có thể suy nghĩ bàn luận, cho nên đều xếp vào nhị đế tùy tình, viên giáo trước sau là pháp không thể suy nghĩ bàn luận, cho nên đều xếp vào nhị đế tùy trí, nhị đế tùy tình gộp lại gọi là tục, nhị đế tùy trí gộp lại gọi là chân, cho nên tên nhị đế tùy tình nay nói Chân-đế hữu danh, tức và viên giáo trước sau nhị đế. Vì không thể suy nghĩ, bàn luận cho nên chỉ gọi Chân-đế. Chân-đế này đầy đủ tất cả đức, vốn có tất cả danh nghĩa chân thật, cho nên nói Chân-đế hữu danh. Nói tục đế vô danh, tức giáo trước và các phạm phụ đã có nhị đế. Do có thể suy nghĩ bàn luận cho nên chỉ gọi là tục. Tục này hư giả cạn hẹp, cho nên là danh nghĩa không chân thật, vì vậy gọi là tục đế vô danh. Điều ở đây nói là bậc Thánh này đáng kính mến thì viên giáo tùy trí chân danh, cúi lập phạm phụ tùy tình tục hiệu.

27. Xứng lý nêu lên:

Kế là xứng lý ủy nêu lên, có hai: Một là y theo nghĩa ủy thí. Hoặc luận đại Thánh thì chân danh tục có thời tiết gì? Nay nêu kiếp sơ lập danh sự hiển thành là mở đầu kiếp còn tựa như kiếp không, cho nên nói rộng thân. Muôn vật tuy lập đều chưa có tên gọi, các bậc Đại Thánh đã chứng chân pháp. Đầy đủ tất cả rốt ráo danh nghĩa mới ứng sinh trong ấy cúi thuận phạm tình. Thấy đối với muôn vật có nghĩa cạn thấp. Cho nên chân pháp sâu xa gọi là nghĩa. Lập ở thế đế tên gọi cạn thấp như con đường ở đời ít có năng thông, cho nên con đường như lý rốt ráo. Gọi là đối với đạo cạn thấp ở thế gian, như vàng bạc ở thế gian phạm tình rất quý, của báu như lý rốt ráo đáng quý, gọi tên vật báu mà phạm tình quý trọng, cương và hưởng thủy đều như vậy.

28. Hỏi đáp về chân tục:

Hỏi: Như núi Linh Thứu kiếp kiếp đều có, chính là bậc Thánh xưa gọi tên nay xét biết muôn vật đều là dùng xưa mà đặt tên cho nay. Nay kia bỗng nói thì gọi chân là tục phải không?

Đáp: Bậc Đại Thánh thường dùng năm thứ mắt chiếu soi bình

đẳng, bốn tất-đàn trùm khắp các căn cơ. Nếu chỉ duyên quá khứ hiện tại, không thì chân pháp, bậc Thánh chỉ có mắt thường và mắt trời, không có ba thứ mắt còn lại. Chỉ dùng Thế-giới-tất-đàn không dùng ba tất-đàn còn lại. Thật ra chẳng đúng. Chẳng phải dùng hai tướng mà thấy được cội chừ Phật. Xét cơ tức chiếu lý. Chiếu lý tức xét cơ, đâu có một việc không y theo chân pháp mà thi vi ư? Cho nên biết chẳng bắt chước đem xưa gọi nay, mà hoặc xưa hoặc nay đã có danh tự đều là chân lập. Như Trung quốc gọi bậc Thánh lập pháp.

29. Dẫn giáo thành chứng:

Dẫn giáo thành chứng, có năm:

Ban đầu dẫn Hoa Nghiêm thì chân lập tục. Bậc Thánh thấy xuất thế chân như trong lý, vốn đầy đủ cây ruộng đào giếng nghĩa chân thật. Chính dạy chúng sinh cày ruộng thế gian làm giếng thế gian.

Hai là dẫn Đại kinh có đầy đủ tên thật. Chừ Phật, Bồ-tát đầy đủ chân pháp lập ra tên gọi thế tục nhưng thuận theo tâm cạn cột hạn cuộc của chúng sinh. Đặt tên gọi vật, hay vời lấy danh tùy pháp chân lập, mà kia đã vời lấy nghĩa không chân thật. Vì sao? Vì như y chân gọi đạo kỳ thật chẳng thể, thông hiểu hết các pháp, cho nên nói thế để có danh không thật. Chỉ có như lý rất ráo chẳng che lấp, thông đạt tất cả, cho nên nói Đệ-nhất-nghĩa để có danh có thật. Như y chân gọi báu không thể trọng nghĩa. Vả lại, bảy báu thế gian chỉ được uế tục tâm sinh ái trọng, kẻ sĩ liêm khiết thấy như phân đất, hướng là hàng tam thừa ư? Duy có như lý các Đức Phật tôn trọng. Như nương chân gọi vọng, há có nghĩa bao gồm muôn hữu. Chỉ có lý chân như khắp gồm chúng sinh và Phật. Lưới kinh mười phương, như y chân gọi hưởng, đâu thể nhất thời khắp ứng các duyên, chỉ có như lý không suy nghĩ, không tạo tác, mười cội cơ khấu nhất thời khắp ứng, cho nên gọi thế để có tên không nghĩa. Đệ-nhất-nghĩa để có tên có nghĩa.

Ba là dẫn đại luận tùy lý đặt tên. Như Đệ-nhất-nghĩa lý chẳng có danh nghĩa, làm sao lập ra tên gọi, danh tục ý ấy sáng tỏ.

Bốn là dẫn tịnh danh sự do lý tạo ra. Đã dẫn văn kinh đại ý nói về từ ý tạo sự, mà đã tạo sự có tu tánh mê ngộ, cho nên diệu lạc nói pháp tánh vô trụ vốn lập tất cả pháp. Có đủ bốn trọng, nghĩa là lý thì tánh tức duyên liễu, sự thì tu đức ba nhân, mê thì ba đường trôi lăn. Ngộ thì trong quả thắng dụng. Nay nói bậc Thánh kính thì chân pháp cú lập hiệu tục. Bởi chứng lý chân như, lý đầy đủ các pháp, chẳng chấp một tánh, cho nên thì lý này đặt tên thế tục, cho nên chẳng thể lấy ba đường trôi lăn làm pháp được lập.

Chính phải từ trong bốn quả thắng dụng làm pháp sở lập.

30. Nêu Thánh giáo khuyên chúng sanh kính tin:

Năm là nêu thành giáo khuyên chúng sanh, sinh tín, hai dụng nghĩa này lập danh đương thể. Trước bác bỏ Chân-đế vô danh xưa lập, hiển ở chân có danh nghĩa nay lập. Rộng dẫn kinh luận chứng chân có tên, nghĩa này đã thành, mới biết kinh đề chữ Kim Quang Minh từ đương thể mà lập, là pháp chẳng phải dụ, cho nên y theo đương thể giải thích đề ba chữ, vẫn có ba:

Ban đầu nói kinh từ đương thể đặt tên. Đề gọi là Kim, có thể trọng làm nghĩa. Rõ ràng đối với pháp tánh nhiệm mầu khó nghĩ, các Đức Phật đã là thầy tối tôn tối trọng. Quang nghĩa là chiếu sáng rõ ràng. Rõ ràng ở pháp tánh đương thể giác chiếu, khắp tất cả mọi nơi đều rõ ràng. Minh, nghĩa là ứng ích, rõ ràng ở pháp tánh đương thể tức là từ bi vô duyên. Hễ đối liền ứng, nhỏ khổ cho vui. Nên biết pháp tánh Kim Quang Minh các nghĩa mới rất ráo. Như lai nhập định khắp pháp tánh biết pháp tánh rất ráo này đáng trọng, rất ráo chiếu soi rõ ràng, rất ráo năng làm lợi ích, tức nương vào ba nghĩa, xưng tên ba chữ, dùng thắng tên gọi này đối với pháp tánh.

31. Nói về Kim Quang Minh thế gian:

Cho nên chẳng nương dựa Kim Quang Minh thế gian để làm dụ. Đã biết ba chữ là pháp chẳng phải thí dụ. Đó là tên một thứ ba pháp. Đương thể pháp tánh tên Kim Quang Minh. Đương thể pháp tánh tên pháp thân Bát-nhã giải thoát, cho đến đương thể pháp tánh gọi là khổ hoặc nghiệp. Mười ba pháp đều thường, lạc, ngã, tịnh. Kim Quang Minh này nhất nhất đều có đủ thường, lạc, ngã, tịnh. Ba pháp ấy chẳng dọc chẳng ngang, Kim Quang Minh này cũng chẳng dọc chẳng ngang, cho nên không hai không khác với tất cả ba pháp nhiệm mầu. Trước thuận các sự, dùng ba nghĩa của vàng ở thế gian. Thí như đối với pháp tánh mười thứ ba pháp và tất cả pháp. Nay ngay nơi giải thích thể, dùng Kim Quang Minh gọi thắng pháp tánh, cho nên mười thứ trước và tất cả pháp đều là Kim Quang Minh quyến thuộc của ba thứ pháp môn. Hai hạng người từ sở chứng đặt tên. Kinh đề ba chữ chính là ba thứ pháp môn của pháp tánh, cho nên Bồ-tát phần chứng ba pháp môn này, từ pháp đặt tên gọi. Phật bèn rất ráo ba pháp môn này, từ pháp đặt tên. Lấy đây nghiệm biết, tên gọi ba chữ đương thể rõ ràng. Ba, hai hỏi đáp phân biệt người và pháp, có hai, ban đầu xét về người có hai, trước bắt chước theo bậc Năng nhân, hai y theo Thông Biệt làm đáp, có hai ban đầu nói biệt xưng thành thực đồng với chư Phật.

32. Giải thích tên gọi:

Thích-ca Mâu-ni tuy là tên gọi riêng, riêng này có đủ chung, chẳng lẽ Đức Thích-ca không chứng ba pháp. Từ thông chứng cho nên thực đồng với chư Phật. Từ nhân duyên riêng gọi là Thích-ca.

Hai là nói về tên chung, đều đầy đủ ba pháp, có ba, ban đầu dẫn một văn nói đồng có ba nghĩa của Kim.

Vô lượng Bồ-tát chỉ khen ngợi Thích-ca, đức được khen ngợi đồng với chư Phật tức sắc vàng sáng chói là thể của Phật pháp, đầy đủ ba thứ diệu đức Kim Quang Minh thì không hai không khác với chư Phật, chẳng phải đời xưa vàng ở thế gian có dụng quang minh, so với Phật, ở trước hỏi rằng pháp tánh có đủ ba nghĩa là đáng trọng, chiếu soi, ứng ích, cho nên gọi là Kim Quang Minh, cho nên tên này còn gọi là Pháp tánh. Sắc vàng sáng chói trong đây nói chính là sắc pháp, đâu phải nghĩa ba thứ pháp tánh. Trước y theo nghĩa, nay y theo sắc. Vì sao đồng là ba thứ pháp môn?

33. Hỏi đáp lý do đồng là ba thứ pháp môn:

Đáp: Ba nghĩa trước đều dứt bật suy nghĩ bàn luận gọi là Đệ-nhất-nghĩa. Nay văn khen ngợi sắc chẳng dọc chẳng ngang gọi là sắc mẫu nhiệm. Sắc này nghĩa này cách nhau bao nhiêu? Sắc mẫu Chân thiện và Đệ-nhất-nghĩa không, từ khác mà thể đồng. Kinh Lăng-nghiêm chép tánh hỏa chân không, tánh không chân hỏa. Luận Khởi Tín nói trí tánh tức tánh sắc, tánh sắc tức trí tánh. Lại, nên biết, nay khen ngợi sắc thân màu vàng kim, nói diệu là đức giải thoát, giải thoát đều có đủ pháp thân Bát-nhã. Phải rõ hai đức chẳng lìa sắc thân, tức sắc phi sắc, phi sắc chẳng phải chẳng phải sắc, sắc vàng mẫu nhiệm, ngay nơi chẳng phải sắc chẳng phải chẳng phải sắc gọi là sắc trung đạo, là Pháp thân. Diệu là phi sắc Bát-nhã. Nói là ứng sắc giải thoát. Chẳng được ý này, thì đối với sắc thân khen ngợi thể ba pháp đồng với chư Phật ư?

34. Dẫn hai văn nói về đồng chứng ba pháp của tánh:

Dẫn hai văn nói về đồng chứng ba pháp của tánh: Đức Thích-ca Mâu-ni thật đồng với chư Phật, tất cả ba pháp đều đồng nhau. Vả lại, nêu kinh này và kinh Hoa Nghiêm hai xứ ba pháp, nói về đồng tướng. Nếu hai, ba này đồng thì tất cả chẳng khác, thể tức pháp thân đồng. Ý đã là trí, trí năng hợp thể, tức ứng thân đồng. Sự là sự dụng, tức hóa thân đồng, chung một pháp thân. Lại nói một thân, là nhắc lại pháp thân và trí ở trên đều là một. Mười Lực, bốn Vô úy và sáu Thông ba đạt, tất cả pháp môn thể có cả ba đức. Nếu từ sở chứng tức đức pháp thân, nếu từ năng chứng tức là đức Bát-nhã, hoặc dùng hóa vật tức là đức giải thoát.

Nay văn này đã lấy một thân một trí để nói về hai đức, cho nên lược vô sở úy ở hóa dụng phải thuộc về giải thoát. Hai, ba pháp này đối với Kim Quang Minh, dường như dùng pháp mà đối với dụ. thật ra chẳng đúng. Do trước dẫn giáo đặt ra ba chữ này là chẳng phải pháp dụ, cho nên nay dùng ba thân ba đức, so sánh với ba thứ pháp môn Kim Quang Minh, rõ ràng đối với chư Phật đều đồng chứng đắc, sợ cho là thí dụ, cho nên văn kết nói về vàng ở thế gian chẳng phải giả còn nường tựa, hướng chỉ là Phật pháp.

35. Nói về của báu nhiệm mầu:

Ba là Dẫn văn đặt đề kinh này chẳng phải từ thí dụ lập. Nói về của báu nhiệm mầu, tên Kim là báu, đều là đáng trọng nghĩa. Đề là ngay nơi thể mà được tên. Báu Pháp tánh này đầy đủ ánh sáng, tức là nghĩa chiếu lithích ứng làm lợi ích chẳng mượn báu đời xưa làm ví dụ.

- Nghiên cứu pháp, có hai:

Lập chấp, thí dụ để hỏi. Dùng phụ văn giải thích và đương thể giải thích, đều y theo kinh nói. Cả hai phụ lý danh và sự dụng, được gọi là phụ văn, riêng phụ lý danh là gọi đương thể, cho nên hai giải thích đều y theo văn kinh. Nên ở đây đặt câu hỏi. Xưa chỉ từ ví dụ, đâu được đổi khác mà y theo văn. Sửa đổi là gượng, cũng giả dối, nghĩa là gượng y văn kinh giả hiển nghĩa khác.

36. Y theo cả hai để đáp:

- Y theo để đáp, có hai:

Một là đáp song tồn. Nay giải thích đề kinh có hai ý: Một là thuận theo lời Phật cho nên y theo văn giải thích. Hai, là đối với các Đại sư xưa cho nên làm thí dụ giải thích. Nói đối với các Đại sư xưa là do thấy ba thầy chẳng khéo dùng thí dụ, thí dụ chẳng khắp, trái với pháp tánh, cho nên nêu thí dụ giải thích. Nói đầy đủ nghĩa pháp tánh sâu rộng mà đối hình. Như thế dùng thí dụ tuy không kinh y cứ nhưng vẫn có lợi ích. Cho nên hai đường chẳng nghiêng bỏ một bên nào. Ông chuyên chấp thí dụ thì bỏ thân tìm sơ, nay ta cả hai đều còn thì thân sơ đều đắc. Hai bị hai căn tức giải thích hàng phục nghi ngờ. Sợ người nghi rằng y theo văn chia hai giải thích, đã rất thân thiết, sao phải còn một thí dụ để giải thích, cho nên dùng trùm căn lợi độn để đáp... còn thí dụ giải thích, là nghĩa độn căn, do độn căn cho nên không thể hiểu thẳng. Chữ Kim Quang Minh là tên pháp tánh. Muốn trùm khắp căn cơ này, thì phải dùng ba chữ làm vàng ở thế gian có dụng quang minh.

37. So sánh tất cả ba pháp viên dung:

Về chẳng lìa nhau. So sánh tất cả ba pháp viên dung. Nếu y theo

văn chia hai giải thích là người lợi căn, do lợi căn cho nên giải tánh đầy đủ tất cả danh nghĩa. Biết kia có khả năng thí dụ vàng ở thế gian, quang minh vốn sáng không có danh nghĩa. Thánh thì chân pháp là danh, cho nên nói lợi người tức pháp làm thí dụ. Còn biết tức pháp làm dụ, thì đâu cần dùng thí dụ để suy nghĩ pháp, cho nên dẫn hai văn của kinh này làm chứng. Trú pháp tánh cho nên tức Kim Quang Minh mà được thấy Phật, cho nên biết pháp và Kim Quang Minh Thích-ca Mâu-ni, tên khác mà thể đồng, thấy thì đều thấy. Đây là chứng lợi người, giải thích ba chữ là tên pháp tánh. Nhưng kinh đã bị chẳng phải độn căn lợi căn, cho nên phẩm Không chép vì độn căn cho nên khởi tâm đại Bi. Phật nói kinh này là trùm khắp hai căn, cho nên thông kinh là giải thích đề ba chữ, cũng phải hai lần nói, hướng về lợi độn, lại chê theo thí dụ như giữ gốc cây. Khen y văn, huyền giải tỏ mặt trăng chẳng phải ngón tay giữ gốc cây.

38. Quán hạnh giải thích:

Hai là Quán hạnh giải thích, văn này và ở trước một phen hỏi đáp và sau nói lại nghĩa đế vương. Xưa hai Sư Thanh và Mẫn nói rằng được bản cũ không các văn này, đó là do người sau chế thêm. Nay vốn là bản lược. Hẳn là người xưa không thể hiểu sâu thuyết cảnh quán, cho nên dứt bỏ. Dùng nay nghiệm xưa, người mê muội có thể biết. Lại, e đại sư thường giảng kinh này. Môn quán hạnh kia có khi chẳng nói, nghĩa Đế vương tiến không vậy, cho nên văn trước nói; hoặc nói không nói đều cũng không ngại. Ghi chép tùy lúc, hoặc đầy đủ, hoặc thiếu sót. Để có một chỗ còn ở văn lược.

Vì quán kia nói đối cảnh dụng tâm, ý thú khó thấy, và nói về giáo nghĩa, hoặc ít chẳng đồng, dòng hiểu biết cạn cợt đã làm mờ tối văn rộng. Tình cờ gặp được bản lược gốc bèn sinh trệ ngại, hình ở chương cú bỏ quán tâm này, tôi sớm đưa ra giải thích, khó vực dậy tông ký, giúp nghĩa chánh này. Bọn ấy chống đối luận nhân số cùng bên, bấy giờ nghĩa vọng phá đều sạch hết. Gần đây có ngài Cô Sơn Đại viên, đã xét chỗ gánh vác có công năng bác bỏ nghĩa đọa, trải qua hơn mười năm riêng cấu thành bốn ý bác bỏ văn này.

39. Bác bỏ từ ngữ cục mịch:

Một nói là từ ngữ cục mịch, hai là nghĩa hời hợt, ba là trái lý, bốn là việc lầm. Nay nghĩ hậu học gặp huyền loạn kia, cho nên không đạt được đã dẫn mà giải thích. Kia bác bỏ từ ngữ cục mịch rằng: ta xem từ ấy rườm rà mà ít quan trọng, chất thì thiếu văn. Nếu lưu tâm giúp người ngu độn, thì biết lời nói kia chẳng phải lời nói vừa rồi, biết lời ấy chẳng

phải lời của người vừa rồi, thì chân ngụy sẽ phân biệt được, đâu đời chuyên tâm, Phật học có công năng dứt bỏ, phải quấy, giải thích rằng khéo léo vụng về của từ làm sao làm phép tắc để y cứ. Tình như chola quấy đẹp cũng thành xấu.

40. Nói về quán hạnh:

Bởi mê mờ nghĩa sâu xa của quán tâm này trở thành phân biệt vô ngại, cho là bàn luận khinh bỉ. Lại, văn này nói về quán hạnh, kinh điển nói về tâm yếu, cho nên từ ấy chuộng thật, không chuộng bóng bẩy. Huống chi trong các bộ văn chất xen nhau, trường hợp ấy rất nhiều, Chẳng muốn y cứ. Nếu chấp một lời nói mà hại cho chánh nghĩa thì ở đây chỉ vì việc nhỏ mà chẳng rõ dụng lớn. Như nghĩa sơ đẳng có ba, đã đều có chỗ bác bỏ, đời đến chỗ ấy mỗi việc đối luận. Văn có hai, ban đầu là nêu, đối với giáo nghĩa ở trước tức ngay nơi nghĩa của hai môn giải hạnh. Trước y theo thí dụ nói về mười thứ ba pháp.

Phụ văn cả hai phụ, lý sự hai văn, ngay nơi thể riêng rõ ràng, sáng tỏ lý tánh, tuy đều sâu rộng mẫu nhiệm viên dung. Nhưng y theo giáo mà luận về Phật pháp. Làm cho người tin hiểu, nên Đại sư nói: hành nhân thời nay đã không có mắt trí, nên dùng tín giải phân biệt đồng khác. Như trước sinh khởi mười thứ ba pháp mà có hai phen. Phen trước y theo giáo, sau y theo Quán. Y theo giáo thì nói lên ba đức, thứ lớp sinh khởi chín thứ giáo pháp, cuối cùng đến ba đường. Y theo quán thì bắt đầu đổi ba đường, thứ lớp sinh chín thứ pháp quán. Cuối cùng gom về ba đức, cho nên giải thích mười pháp và phân biệt mười pháp đã là sinh giải, đồng thời y theo thứ lớp mà giáo sinh khởi. Kim luận quán pháp là thành hành.

41. Nói về mười pháp:

Mười pháp được nói là y theo thứ lớp mà quán sinh khởi, cho nên biết vị trước phen sau sinh khởi. Ý ở mười pháp nay thành quán. Lại nay quán giải mười thứ ba pháp, chẳng riêng thành hạnh thấy đều hiểu sâu. Vì sao? Vì y theo quán môn nghiên cứu tâm có đầy đủ pháp, cho nên giúp cho nghĩa viên dung của mười pháp, càng thêm sáng tỏ, vì thế Đại sư vì thành mắt trí, nên lập quán giải thích. Ấy cho nên nêu lên rằng quán tâm giải thích tên. Lại nữa nên biết trước ngay nơi thể giải thích. Tên của định ba chữ Kim Quang Minh chẳng phải dụ cho pháp này. Nay phụ quán mười thứ ba pháp đều nghiên cứu pháp tánh Kim Quang Minh. Cho nên mười xứ đều nêu ba chữ, đều chẳng phải được cho ý này, đã tìm thêm văn ấy, mới lược thấy được chỉ thú quán tâm.